**LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 5** (Từ 02.10.2023 – 06.10.2023)

**Cách ngôn*:******“Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ/**  **Ngày** | **Buổi** | **Tiết** | **Môn học** | **Tên bài dạy** |
| **Hai**  *02/10/2023* | **Sáng** | 1 | HĐTN | Sinh hoạt dưới cờ: Nét riêng của mỗi người |
| 2 | Toán | Bài 10. Bảng nhân 7, bảng chia 7 (T2) |
| 3 | Tiếng Việt | Bài 9: Đi học vui sao (Tiết 1) |
| 4 | Tiếng Việt | Bài 9: Đi học vui sao (Tiết 2) |
| **Chiều** | 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| **Ba**  *03/10/2023* | **Sáng** | 1 | Toán | Bài 11. Bảng nhân 8, bảng chia 8 (T1) |
| 2 | Tiếng Việt | Bài 9: Đi học vui sao (Tiết 3) |
| 3 | L. T.Việt | Ôn luyện tuần 5 |
| 4 | HĐTT | HĐGDTCĐ: Thời gian biểu của em |
| **Chiều** | 1 | L. Toán | Ôn luyện tuần 5 |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| **Tư**  *04/10/2023* | **Sáng** | 1 | Tiếng Việt | Bài 10: Con đường đến trường (Tiết 1) |
| 2 | Tiếng Việt | Bài 10: Con đường đến trường (Tiết 2) |
| 3 | Tin CN | Sử dụng quạt điện (Tiết 1) |
| 4 | Toán | Bài 11. Bảng nhân 8, bảng chia 8 (T2) |
| **Năm**  *05/10/2023* | **Sáng** | 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 | Toán | Bài 12. Bảng nhân 9, bảng chia 9 (T1) |
| 4 | Tiếng Việt | Bài 10: Con đường đến trường (Tiết 3) |
| **Chiều** | 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| **Sáu**  *06/10/2023* | **Sáng** | 1 | Toán | Bài 12. Bảng nhân 9, bảng chia 9 (T2) |
| 2 | Tiếng Việt | Bài 10: Con đường đến trường (Tiết 4) |
| 3 | ĐS | Đọc sách tại thư viện |
| 4 | HĐTN | Sinh hoạt theo chủ đề: Quý trọng thời gian. |
| **Chiều** | 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |

**TOÁN**

**BÀI 39: BẢNG NHÂN 7, BẢNG CHIA 7 (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.** **Kiến thức, kĩ năng:**

- Vận dụng các phép tính trong bảng nhân 7, bảng chia 7 để tính nhẩm, đếm cách đều 7, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 7, bảng chia 7

**2. Phẩm chất***:* Góp phần phát triển phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm: hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ được giao.

**3.** **Năng lực**

*\* Năng lực chung:*

- NL tự lực, tự học; làm việc nhóm.

\* *Năng lực đặc thù:*

- NL giao tiếp toán học: Qua HĐ trả lời câu hỏi, trình bày bài tập trên bảng cũng như ở vở.

- NL tư duy và lập luận toán học: Qua BT 3

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Bài giảng PP

- HS: Sách giáo khoa, vở.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động** (3p)  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Ai là triệu phú? (Kèm PP)  - GV tổng kết và kết nối vào bài học  **2. Luyện tập** (34p)  **Bài 1***:* - Gọi HS đọc nội dung bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Muốn tìm được số còn thiếu ở câu a ta làm thế nào?  - HS làm bài cá nhân vào vở. 1 HS làm bảng phụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn.  - Đánh giá, nhận xét bài HS.  H: Em có nhận xét gì về dãy số 7, 14 ,…  - Tương tự với câu b  **Bài 2: Số?**  - Gọi HS đọc nội dung bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - HD HS thực hiện lần lượt các yêu cầu  - Bảng có mấy hàng? Muốn điền được hàng kết quả làm như thế nào?  - YCHS làm việc cá nhân vào vở. 1 HS trình bày trên bảng  - Tương tự với câu b  **Bài 3:** - GV cho HS đọc nội dung bài  - GV cho HS phân tích đề bài:  + Đề cho gì?  + Đề hỏi gỉ?  - Để tìm số cái cốc trong mỗi hộp ta làm thế nào?  - YC HS thảo luận nhóm đôi (1p) tìm cách giải.  - GV cho 1 HS làm bảng phụ, cả lớp làm vào vở  - GV nhận xét, chốt  **Bài 4: Điền dấu >, < =**  - Y.c HS đọc đề bài  - Đề bài yêu cầu chúng ta làm gì?  H: Để điền được dấu >,<= ta làm thế nào?  - Y.c HS nêu kết quả  - Gv cho HS nhận xét vì sao điền dấu <, >, =?  **3. Vận dụng** (2p)  - Hôm nay em học bài gì?  - Cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh ai đúng”  Cách chơi: 1 bạn nêu phép tính trong bảng nhân 7, bảng chia 7, bạn còn lại nêu kết quả, trò chơi 3 phút, bạn nào đúng và nhanh được tuyên dương.  - Tuyên dương HS, nhận xét giờ học. | **-** HS thực hiện theo yêu cầu  - HS chơi  **Bài 1***:* **Nêu các số còn thiếu**  - HS đọc yêu cầu đề bài  - Ta đếm thêm 7  - HS lên bảng làm, cả lớp làm vào vở  - HS trình bày bài  - HS nhận xét  a- Các số 7, 14 ,21,28,…  b- 70;63;56;……  là kết quả của phép nhân 7  **Bài 2: Số?**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | X | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | |  | 1 | 3 | 5 | 7 | 8 | 6 | |  | 7 | ? | ? | ? | ? | ? |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | : | 14 | 21 | 35 | 42 | 70 | 56 | |  | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | |  | 2 | ? | ? | ? | ? | ? |   - Bảng có 3 hàng. Muốn điền được hang kết quả (Tích) ta lấy thừa số thứ nhất nhân với thừa số thứ hai  -HS trình bày bài vào vở, đổi chéo vở để nhận xét  - HS đọc thuộc bảng nhân 7  **Bài 3:** - HS đọc.  - HS phân tích đề bài  - 1 HS làm bảng phụ, lớp làm vào vở  Bài giải  Mỗi hộp có số cái cốc là:  42 :7 = 6 (cái cốc)  Đáp số: 6 (cái cốc)  - HS nhận xét- HS lắng nghe  **Bài 4: Điền dấu >, < =**  - Ta phải tính nhẩm kết quả ở mỗi phép tính rồi so sánh.  - HS thực hiện theo yêu cầu  7x5 > 7x4 vì cùng thừa số 7 và 5>4  ....  - HS cả lớp tham gia chơi  -HS lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy** *(Nếu có)*

*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**TOÁN**

**Bài 11: BẢNG NHÂN 8, BẢNG CHIA 8**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**

- Tính nhẩm, giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 8, chia 8.

- Thực hành giải các bài toán thực tập, bài toán có tình huống thực tế.

- Phát triển năng lực giao tiếp Toán học.

-[Vận dụng vào tính n](https://blogtailieu.com/)hầm, giải các bài tập, bài toán thực tế l[iên quan đến bảng nhân 8,](https://blogtailieu.com/) [bàng chia 8.](https://blogtailieu.com/)

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**3. Năng lực**

*\*Năng lực chung:*

- Năng lực tự chủ, tự học, hợp tác.

*\*Năng lực đặc thù:*

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp toán học: hoạt động nhóm, trả lời các câu hỏi, trình bày bài tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** (4p)  - GV tổ chức trò chơi *Truyền điện* để khởi động bài học.  - GV phổ biến cách chơi và luật chơi  + Nối tiếp nhau đặt câu hỏi và trả lời. Bạn nào trả lời chậm là bị phạt trò soi gương  + Nội dung: 1 bạn đặt câu hỏi 7 x 3 = ? rồi chỉ định 1 bạn bất kỳ trả lời. Cứ như vậy truyền các câu hỏi về bảng nhân 7 và chia 7  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Khám phá** (16p)  **a. (Làm việc cá nhân)**  **-** GV hướng dẫn quan sát tranh vẽ trong sách HS để trả lời câu hỏi.  - Cho HS trả lời để hình thành phép nhân 8  - Vậy ta có phép tính nào?  8 x 2 = ?  -Từ phép tính 8 x2 = 16 ta suy ra được phép chia như thế nào?  \* Từ đó HS có thể tự hình thành bảng nhân 8 và bảng chia 8  **b. ( Làm việc nhóm)**  - YC HS thảo luận nhóm 4 hoàn thành bảng nhân 8 và bảng chia 8.  - Cho HS đọc nhiều lần theo cá nhân, nhóm để thuộc bảng nhân 8 , bảng chia 8.  **2. Hoạt động** (12p)  **Bài 1: ( Làm việc cá nhân)**  - GV cho HS đọc nội dung của bài 1  - GV gợi ý:  + muốn tìm tích khi biết 2 thừa số ta làm thế nào?  + Muốn tìm thương khi biết số bi chia và só chia ta làm thế nào?  - Cho HS làm bài sau đó báo cáo kết quả trước lớp  - GV nhận xét và chốt đáp án đúng.  **Bài 2: (Làm việc nhóm)**  -GV yêu cầu các nhóm 2 dựa vào mỗi câu hỏi trong bài toán, tìm ra phép nhân phù hợp rồi báo cáo kết quả tìm được.  - Cho nhóm thảo luận thống nhất kết quả và báo cáo trước lớp.  **-** GV nhận xét, tuyên dương. | - HS lắng nghe.  - HS tham gia trò chơi  + HS Trả lời  - HS quan sát tranh vẽ rồi trả lời câu hỏi  - HS TL: Mỗi con bạch tuộc có 8 xúc tu vậy 2 con bạch tuộc có 16 xúc tu.  8 x 2= 16  16 : 8 = 2  - HS làm việc nhóm.  - Các nhóm trình bày.  -HS đọc nối tiếp và luyện đọc thuộc  ­­  - HS nêu điền số vào chỗ dấu?  - Làm tính nhân  - Làm tính chia  - HS nhận xét bổ sung cho nhau  - HS hợp tác thảo luận trong nhóm  - Đại diện nhóm báo cáo  8 x 6 = 48  8 x 10 = 80  8 x 4 = 32  8 x 5 = 40  8 x 3 = 24 |
| **3. Vận dụng** (4p)  GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi hái hoa (mỗi bông hoa là 1 phép tính nhân hoặc chia)  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. |
| *\* Củng cố dặn dò*  - Qua bài em nắm được kiến thức nào? | trả lời |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động:** HS hát. (4p)  **-** GV Tổ chức cho HS chơi trò chơi *“Câu cá”* (Kèm bài giảng PowerPoint).  - GV nhận xét, tuyên dương.  \**Kết nối bài mới*  **2. Luyện tập- thực hành** (30p)  **Bài 1:** - Gọi HS nêu yêu cầu bài  [Yêu cầu HS biết đ](https://blogtailieu.com/)ếm cách đều 8 rồi nêu (viết) số thíc[h hợp ở ô có dấu “?” theo](https://blogtailieu.com/) [thứ tự 8,16, 24,..., 80 (c](https://blogtailieu.com/)âu a) hoặc theo thứ tự 80, 72,64,..., 8 [(câu b).](https://blogtailieu.com/)  - Cho HS tự giải – HS lên bảng làm  - Gọi HS đọc bài làm của mình. Nhận xét.  **Bài 2:** - Gọi HS đọc đề bài.  - Trao đổi tìm cách làm?  -Tương tác, chia sẻ.  -Cá nhân lên trình bày kết quả. GV,HS nhận xét.  **Bài 3:** Gọi HS đọc đề bài.  - GV hướng dẫn học sinh cách làm  - Yêu cầu học sinh tính kết quả của từng con ong sau đó nối kết quả với từng bông hoa.  - GV chữa bài và nhận xét tuyên dương nhóm làm bài tốt.  **Bài 4:** Yêu cầu học sinh đọc đề bài  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Muốn tìm được 3 con cua có bao nhiêu cái cẳng ta làm thế nào?  - Muốn tìm 6 con cua có bao nhiêu cái càng ta làm thế nào?  - HS làm bài cá nhân  - GV chữa bài, nhận xét bài của học sinh.  **3. Vận dụng** (3p)  **-** Cho HS chơi TC *Đi tìm kho báu*  **-** GV nêu luật chơi- HS thực hành chơi  - GV tổng kết – tuyên dương  **\* Củng cố - dặn dò** (2p)  Qua bài em nắm được kiến thức nào?  - Chuẩn bị tiết sau kiểm tra. | -HS cả lớp chơi  **Bài 1: Nêu các số còn thiếu**  -HS đọc bài toán - Quan sát TL nhóm  -HS thảo luận nhóm nêu cách tìm số  -Đại diện nhóm nêu cách làm  a.32, 40, 56, 72  b.56, 40, 24, 16  - HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bài 2:** Số?  -HS đọc đề bài  - Học sinh làm vào phiếu cá nhân sau đó lên bảng trình bày bài của mình.  8 x 3 = 24 + 16 = 40  **Bài 3:**  -HS đọc đề  -HS làm vào phiếu nhóm đôi  Đại diện nhóm lên trình bày kết quả  **Bài 4:** -HS đọc đề bài  - HS trả lời  - Cho biết 1 con cua có 8 cái cẳng và 2 cái càng  - Ta làm phép tính nhân  - HS lên bảng trình bày  *Bài giải*  *a.3 con cua có số cái chân là*  *3 x 8 = 24 (cái chân)*  *Đáp số: 24 cái chân*  *b.6 con cua có số cái càng là*  *6 x 2 = 12 (cái càng)*  *Đáp số: 12 cái càng.*  -HS chơi trò chơi  HS trả lời |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy** *(Nếu có)*

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**TOÁN**

**Bài 12: BẢNG NHÂN 9, BẢNG CHIA 9**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức – Kĩ năng**

- Hoàn thành được bảng nhân 9, bảng chia 9.

- Vận dụng vào tính nhẩm, giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 9, bảng chia 9.

- Sử dụng được bảng nhân, chia để tính được một số số phép nhân, phép chia trong bảng.

- Phát triển năng lực tư duy, lập luận toán học và năng lực giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học.

- Sử dụng được bảng nhân, chia để tính được một số phép nhân, phép chia trong bảng.

**2. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**3. Năng lực chung**

**\*** *Năng lực chung*

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

*\*Năng lực đặc thù:*

- NL giao tiếp toán học: Trả lời các câu hỏi, trình bày bài tập.

- NL tư duy và lập luận toán học: HĐ khám phá

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:**

- GV: Bài giảng PP

- HS: SGK, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động: (3p)**  GV tổ chức trò chơi *“Thu hoạch cà rốt”* để khởi động bài học. (Kèm PP)  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Khám phá (17p)**  - Cho HS quan sát tranh và đọc bài toán  - GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài toán  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Gọi đại diện HS chia sẻ cách thực hiện  - GV nhận xét  - GV hỏi: Hai đội có 18 người vậy mỗi đội có bao nhiêu người?  - GV nhận xét  - GV ghi lên bảng phép nhân 9 x 2 = 18  - Đây là phép tính đầu tiên trong bảng nhân 9, bảng chia 9, tương tự cách hình thành bảng nhân 5, bảng chia 5, yêu cầu HS thảo luận cách hình thành bảng nhân 9, bảng chia 9.  - Yêu cầu HS chia sẻ kết quả thảo luận  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.  \* Nhận xét: Thêm 9 vào kết quả 9 x 2 = 18 ta được kết quả của phép nhân 9 x 3 = 27.  - HS đọc bảng nhân 9, bảng chia 9 vừa lập được.  + Yêu cầu HS học thuộc lòng bảng nhân 9, bảng chia 9 trong thời gian 5 phút.  - Xoá dần bảng cho học sinh học thuộc lòng.  - Tổ chức cho học sinh thi đọc thuộc lòng bảng nhân 9, bảng chia 9.  **3. Hoạt động (15p)**  **Bài 1. Tính nhẩm (Làm việc cá nhân)**  ? Bài yêu cầu gì?  **-** YC HS tính nhẩm các phép nhân trong bảng nhân 9.  - Tổ chức cho HS chơi trò chơi “Truyền điện”  - Nhận xét  - GV hỏi HS nhận xét về 2 phép nhân  9 x 0 và 0 x 9  - GV nhận xét, tuyên dương  => ***Chốt KT:*** *Số nào nhân với 0 đều có kết quả bằng 0*  **Bài 2: Hai phép nhân nào dưới đây có cùng kết quả**  - Tổ chức cho HS chơi trò chơi  + GV nêu cách chơi  - GV nhận xét  - Trong các phép tính ghi ở các quả dưa, phép tính nào có kết quả lớn nhất?  - Trong các phép tính ghi ở các rổ, phép tính nào có kết quả bé nhất?  **4. Vận dụng: (5p)**  ? Hôm nay, em cảm nhận được điều gì qua tiết học này ?  + Bài toán: Mỗi lọ hoa cắm 9 bông hoa hồng. Hỏi cần bao nhiêu bông hoa để cắm vào 7 lọ như vậy?  - Nhận xét, tuyên dương  - GV nhận xét  - Gọi HS đọc lại bảng nhân 9, bảng chia 9.  - Nhận xét giờ học, khen ngợi, động viên HS. | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe.  - HS quan sát và đọc thầm bài toán.  - HS thảo luận nhóm 2 tìm hiểu bài và giải bài toán.  - Một đội múa rồng có 9 người.  - Hỏi 2 đội múa rồng có bao nhiêu người?  - Đại diện HS chia sẻ: Một đội có 9 người, vậy hai đội sẽ có 18 người. Ta có phép nhân: 9 x 2 = 18  - HS trả lời: Hai đội có 18 người vậy mỗi đội có 9 người, ta có phép chia:  18 : 2 = 9  - HS đọc  - HS thảo luận và viết nhanh bảng nhân 9, bảng chia 9 ra bảng con  - Đại diện các nhóm chia sẻ  - HS theo dõi  - Cả lớp nói tiếp nhau đọc bảng nhân 5 lần.  - HS thuộc lòng bảng nhân 9, bảng chia 9.  - Đọc bảng nhân.  - Thi đọc thuộc bảng nhân 9, bảng chia 9.  **Bài 1**- HS đọc thầm yêu cầu  - HS làm việc cá nhân  - HS tham gia chơi   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 9 x 1 | 9 x 2 | 9 x 3 | 9 x 10 | | 9 x 4 | 9 x 5 | 9 x 6 | 9 x 0 | | 9 x 7 | 9 x 8 | 9 x 9 | 0 x 9 |   - HS lắng nghe  - HS trả lời: Số nào nhân với 0 đều có kết quả bằng 0  **Bài 2: Hai phép nhân nào dưới đây có cùng kết quả**  - HS đọc thầm yêu cầu  - HS lắng nghe  - HS tham gia chơi: Mỗi HS cầm phiếu có ghi phép tính khác nhau, khi có hiệu lệnh HS sẽ tìm đến nhau để hai phép tính có cùng kết quả.  - HS trả lời: Phép tính 9 x 2  - HS trả lời: Phép tính 20 : 4  - HS chia sẻ cảm nhận  - HS đọc thầm yêu cầu bài toán  - HS thực hiện cá nhân  *Bài giải:*  *Số bông hoa để cắm vào 7 lọ như vậy là: 9 x 7 = 63 (bông)*  *Đáp số: 63 bông hoa*  - HS đọc  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động:** (5p)  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: 9 x 3 = ?  + Câu 2: 9 x 5 = ?  + Câu 3: 9 x 4 = ?  + Câu 4: 9 x 7 = ?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Luyện tập** (30p)  **- Bài 1:** - Gọi HS nêu yêu cầu bài  - HS làm bài cá nhân  - 2 HS lên bảng làm  - Gọi HS đọc bài làm của mình.  - Em có nhận xét gì về dãy số a, dãy số b? Nhận xét.  **Bài 2: HS nêu yêu cầu của bài**  - HS làm bài cá nhân  - GV nhận xét tuyên dương  **Bài 3: HS làm bài.**  Nêu đáp án. Nhận xét.  **Bài 4:** Gọi HS đọc đề bài.  + Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?  + Muốn biết mỗi can có bao nhiêu lít nước mắm em làm thế nào?  -HS làm bài. HS chia sẻ bài làm.  GV, HS nhận xét.  **Bài 5:** Gọi HS đọc đề bài.  + Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?  + Muốn biết 5 thuyền như thế có bao nhiêu người em thực hiện phép tính gì?  -HS làm bài. HS chia sẻ bài làm.  GV, HS nhận xét.   1. **Vận dụng: (4p)**   - Cho HS chơi TC Tìm nhà cho mây. (Kèm PP)  **–** GV nêu luật chơi- HS thực hành chơi-  -GV tổng kết – tuyên dương  **\* Củng cố - dặn dò (1p)**  **-** Qua bài em nắm được kiến thức nào?  - Ôn lại bảng nhân 9, bảng chia 9. | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời: 9 x 3 = 27  + Trả lời: 9 x 5 = 45  + Trả lời: 9 x 4 = 36  + Trả lời: 9 x 7 = 63  - HS lắng nghe.  ***Bài 1: Nêu các số còn thiếu.***  a, 9, 18, 27, …, 45,…, …, 72,…,90.  b, 90, 81, 72,…, …, 45, …, 27, …, 9  ***Bài 2: Số ?***  6          ***Bài 4: Giải***  Số lít nước mắm mỗi can có là: 45 : 9 = 5 ( lít) Đáp số : 5 lít    ***Bài 5: Giải***  Số người trên 5 thuyền như vậy có là: 9 x 5 = 45 ( người) Đáp số: 45 người |

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy** *(Nếu có)*

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐIỂM: CỔNG TRƯỜNG RỘNG MỞ**

**Bài 01: ĐI HỌC VUI SAO (T1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức – Kĩ năng**

- Học sinh đọc đúng và rõ ràng bài thơ “Đi học vui sao”.

- Bước đầu biết thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong bài thơ qua giọng đọc, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ và giữa các dòng thơ.

- Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể trong bài thơ.

- Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật thông qua các từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảm xúc, hoạt động, cảm xúc của nhân vật.

- Hiểu nội dung bài: Mỗi ngày đi học là một ngày vui của các bạn học sinh.

- Nói được một ngày đi học của mình và nêu được những cảm nghĩ sau một tháng học tập.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Viết đúng chính tả bài *Đi học vui sao* (3 khổ thơ đầu) theo hình thức nhớ – viết.

- Trình bày đúng đoạn thơ, biết viết hoa chữ cái đầu mỗi câu thơ.

- Tìm và viết đúng từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *g* hoặc *gh.*

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Phẩm chất:**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu cảnh đẹp, quê hương qua bài tập đọc.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bạn bè qua câu chuyện về những trải nghiệm mùa hè.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

3**. Năng lực**

*\*Năng lực chung*

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

\**Năng lực đặc thù*

- Năng lực ngôn ngữ: Đọc đúng, giải nghĩa được từ khó, trả lời được các câu hỏi; viết đẹp, đúng.

- Năng lực cảm thụ văn học: Đọc diễn cảm, hiểu được nội dung bài đọc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:**

- GV: Bài giảng PP

- HS: SGK, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ khởi động: (3-5p)**  - GV tổ chức hát bài “Em yêu trường em” để khởi động bài học.  + Câu 1: Xem tranh trả lời ở trường em thường làm gì?  + HĐ cặp đôi: Nói cho nhau nghe những điều mình thường kể với người thân về trường lớp.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  \**Kết nối bài mới*  **2. HĐ khám phá**  **2.1. HĐ Đọc văn bản. (33-35p)**  a) GV đọc mẫu toàn bài: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng. Đọc diễn cảm, nhấn mạnh ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.  b) Hướng dẫn đọc  - GV HS HS chia đoạn: Bài thơ gồm có 5 khổ thơ.  \* Đọc nối tiếp khổ thơ lần 1  - Khi HS đọc, có từ phát âm sai, giáo viên ghi luôn lên bảng: nắng, làn gió, nương lúa, náo nức, nô đùa, mơn man, xốn xang...  \* Đọc nối tiếp khổ thơ lần 2: Nối tiếp khổ. Chú ý phát âm đúng các từ khó dễ phát âm sai.  - GV nhận xét, sửa lỗi phát âm (nếu có).  - GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp thơ, giữa các câu thơ. (Ngắt nhịp 2/3 hoặc 3/2).  \* Đọc nối tiếp khổ thơ lần 3  - GV cho HS giải nghĩa từ khó: má đào, mơn man, xốn xang.  \* GV cho HS luyện đọc theo nhóm 4  \* Đọc toàn bài.  - GV gọi 2 – 3 HS đọc toàn bài thơ, chú ý những từ dễ phát âm sai, chú ý cách ngắt nhịp thơ và giữa các câu thơ.  **TIẾT 2**  **2.2. HĐ Trả lời câu hỏi. (15-17p)**  - Gọi HS đọc lại toàn bài.  - Y/c HS đọc thầm toàn bài và các câu hỏi.  + Câu 1: Bạn nhỏ đi học trong khung cảnh như thế nào?   * *Mở rộng*: Em thấy khung cảnh đi học của bạn nhỏ như thế nào?   + Câu 2: Những trang sách bạn nhỏ được học có gì thú vị?  GV: Khi đọc sách, ngoài việc tiếp nhận những điều hay của nội dung sách, các em còn có thể cảm nhận sách bằng nhiều các giác quan: thị giác, thính giác, xúc giác (Dùng mắt để xem tranh, đọc chữ; dung mũi để ngửi mùi giấy, mùi mực; dùng tay sờ vào giấy)  + Câu 3: Những chi tiết nào thể hiện niềm vui của các bạn trong giờ ra chơi?  ? Tìm khổ thơ nói về giờ ra chơi.  ? Quan sát 2 bức tranh và tìm các chi tiết trong khổ 4 thể hiện niềm vui của các bạn trong giờ ra chơi?   * *Mở rộng:* Vào giờ ra chơi, các em thường làm gì? Em thích làm gì nhất? Sau mỗi giờ ra chơi em cảm thấy như thế nào?   + Câu 4: Nêu cảm xúc của bạn nhỏ khi tan học. Em có cảm xúc giống bạn nhỏ không?  ***- Mở rộng:*** ? Em cảm thấy thế nào khi nghe thấy tiếng trống tan trường?  - GV mời HS nêu nội dung bài.  => GV Chốt ND: ***Bài văn cho biết mỗi ngày đi học là một ngày vui của các bạn học sinh.***  => GV nhận xét, chuyển ý.  **2.3. HĐ Luyện đọc lại. (5-7p)**  - HD đọc diễn cảm cả bài: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nhịp thơ và giữa các câu thơ đúng. Đọc diễn cảm các câu thơ với ngữ điệu phù hợp. Đọc lai nhiều lần từng khổ trong 3 khổ thơ đầu để học thuộc.  - GV yêu cầu 2 – 3 em HS xung phong đọc thuộc lòng 3 khổ thơ.  **3. HĐ thực hành: Nói và nghe: Tới lớp, tới trường. (14-16p)**  **3.1. Hoạt động 3: Kể về một ngày đi học của em.**  - GV gọi HS đọc chủ đề và nội dung.  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4:  ? Hãy kể về về một ngày đi học của em?  Các nhóm đọc thầm gợi ý trong sách giáo khoa và suy nghĩ về một ngày đi học của mình.  - Gọi HS trình bày trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **3.2. Hoạt động 4: Nêu cảm nghĩ của em sau một tháng học tập.**  - GV gọi HS đọc yêu cầu trước lớp.  - GV cho HS làm việc nhóm 2: Nêu những suy nghĩ của mình sau một tháng học tập.  - Mời các nhóm trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (3-5p)**  + Cho HS quan sát video cảnh một số bạn giờ ra chơi ở các trường.  + GV nêu câu hỏi bạn nhỏ trong video làm những gì vào giờ ra chơi?  + Việc làm đó có vui không? Có an toàn không?  - Nhắc nhở các em tham khi chơi cần đảm bảo vui, đáng nhớ nhưng phải an toàn như phòng tránh ngã, bị thương.  - Nhận xét, tuyên dương | - HS hát.  + Trả lời: Ở trường em thường đọc sách, vẽ tranh, chơi nhảy dây...  + HS nói, các bạn khác lắng nghe, trao đổi góp ý.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại tên bài, ghi vở  - Hs lắng nghe.  - HS đọc nối tiếp khổ thơ lần 1  - 1 – 2 HS nêu từ khó trong bài.  - HS đọc từ khó.  - HS đọc nối tiếp khổ lần 2, các bạn khác chú ý lắng nghe, nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS đọc nối tiếp khổ thơ lần 3.  - HS giải nghĩa từ:  + *má đào:* má hồng  + *Mơn man:* lướt nhẹ trên bề mặt, tạo cảm giác dễ chịu.  + *Xốn xang:* Một cảm giác vui, rạo rực trong lòng.  - HS luyện đọc theo nhóm 4.  - Các nhóm thi đọc.  - 2 – 3 lượt đọc.  - HS nhận xét  - 1- 2 HS đọc  + Bạn nhỏ đi học trong khung cảnh bình minh nắng xôn xao, gió trong lành, mát rượi, gió lướt nhẹ qua đôi má của bạn ấy.  + Đó là một khung cảnh đẹp, bình yên. Bạn nhỏ rất vui khi được đi học.   * Nhóm 2 (2p)   + Những trang sách mới rất thơm, có những hình ảnh quen thuộc như nương lúa, cánh cò, còn có những câu chuyện cổ tích rất hay.  + HS lắng nghe.  + Náo nức nô đùa, túm tụm nghỉ khi mệt, say sưa vẽ tranh.  + Khổ 4.  + HS nêu: bạn nhỏ thấy vui xốn xang, các hành động như ùa chạy, vừa đi vừa hát cũng thể hiện niềm vui của bạn nhỏ.  + HS tự nêu theo suy nghĩ của mình.  - HS trả lời.   * 3 – 4 HS nhắc lại nội dung   - 2 – 3 HS xung phong đọc thuộc lòng 3 khổ thơ đầu.  - 1 HS đọc to chủ đề  + Yêu cầu: *Kể về một ngày đi học của em.*  - HS thảo luận nhóm 4 và kể về những gì diễn ra trong một ngày đi học của mình dựa theo các câu hỏi gợi ý trong SGK.  - HS chia sẻ một ngày đi học của mìn.  - HS khác nx, chia sẻ bổ sung  - 1 HS đọc yêu cầu: nêu cảm nghĩ của em sau một tháng học tập.  - Từng cặp HS chia sẻ với nhau và ghi chép lại.  - HS trình bày trước lớp, HS khác có thể nêu câu hỏi. Sau đó đổi vai - HS khác trình bày, nhận xét.  - HS quan sát video.  + Trả lời các câu hỏi.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**TIẾT 3**

**Nhớ – viết: Đi học vui sao**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ khởi động (3p)** |  |
|  | |
| - GV cho HS hát  - GV giới thiệu bài  - GV ghi bảng tên bài. | - HS hát tập thể bài hát *Vui đến trường.*  - Lắng nghe  **-** HS ghi vở |
| **2. HĐ khám phá (30p)** | |
| **\*HD Nhớ – viết chính tả**. (7p)  - GV nêu yêu cầu Nhớ – viết 3 khổ thơ đầu bài thơ *Đi học vui sao.*  - GV đọc đoạn nhớ – viết  - GV gọi HS đọc đoạn nhớ – viết.  - HD HS tìm hiểu nhanh nội dung đoạn viết:  + *Bài viết có nội dung gì?*  - HD HS nhận biết các hiện tượng chính tả:  *+ Bài viết có những dấu câu nào?*  *+ Dấu chấm được đặt ở đâu?*  *+ Bài viết có những chữ nào cần phải viết hoa?*  *+ Đoạn thơ có chữ nào dễ viết sai?*  - GV cho HS luyện viết các từ, tiếng dễ viết sai vào bảng con.  *+ Khi trình bày đoạn thơ, cần viết như thế nào?*  **3. HĐ luyện tập**  *a/ Nhớ - viết bài chính tả* (15p)  - YC HS Nhớ – viết 3 khổ thơ đầu vào vở.  - YC HS đổi vở cho nhau để phát hiện soát lỗi chính tả, đánh dấu và sửa lỗi.  - GV chiếu một số bài của HS.  - GV nhận xét bài viết của HS. | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe, đọc thầm  - 1 HS đọc bài, lớp đọc thầm  - *Đoạn viết nói về những niềm vui khi bạn nhỏ tới trường.*  - Thực hiện theo yêu cầu  *+ Dấu chấm*  *+ Cuối các khổ thơ.*  *+ Các chữ cái đầu mỗi dòng thơ*  + *xôn xao, nương lúa, dập dờn,...*  - 2 HS viết bảng, lớp viết bảng con.  *+ Mỗi dòng thơ lùi vào 2-3 ô li. Cách 1 dòng khi hết khổ thơ.*  *Có thể viết so le mỗi khổ.*  - HS viết vào vở.  - HS đổi vở nhóm đôi để soát lỗi.  - HS quan sát, nhận xét.  - Lắng nghe |
| *b. Bài tập chính tả.*(10p) | |
| **(2a) Quan sát tranh, tìm và viết từ ngữ** |  |
| **chỉ sự vật có tiếng bắt đầu bằng *s* hoặc *x***  - GV gọi HS đọc nội dung BT  - GV chiếu tranh SGK  - Cho HS thi tìm các từ ngữ  - GV cùng HS nhận xét, góp ý, bổ sung  - GV chốt đáp án: *con sóc, học sinh, nhà sàn, hoa sim, xe máy, cây xanh, sỏi đá, sân nhà, bờ suối…*  - YC HS viết các từ vừa tìm được vào VBT.  - Nhận xét, tuyên dương.  **(3). Tìm thêm các từ ngữ có tiếng mở đầu bằng *s* hoặc *x***  - GV gọi HS đọc nội dung BT  - YC HS tìm các từ và nêu rõ các từ tìm được bắt đầu bằng s/x.  - GV nhận xét, tuyên dương đáp án đúng.  **\* Củng cố, dặn dò (2p)**  - Yêu cầu hs nêu lại các nội dung của bài học  - GV hỏi HS ý kiến về bài học. (Em thích hoạt động nào? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?)  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS  - Dặn dò học sinh chuẩn bị bài sau. | - 2 HS đọc, lớp theo dõi  - HS hoạt động nhóm đôi, quan sát tranh tìm các sự vật  - HS lên bảng  - HS lắng nghe  - HS viết vào vở  - 2 HS đọc.  - HS tìm các từ thông qua trò chơi “truyền điện”.  - HS nêu.  - HS nêu ý kiến về bài học  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *(Nếu có)*

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐIỂM: CỔNG TRƯỜNG RỘNG MỞ**

**BÀI 10: CON ĐƯỜNG ĐẾN TRƯỜNG**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Kiến thức, kĩ năng**

* Đọc đúng các từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài tập đọc.
* Nhận biết được nội dung bài: Con đường đến trường là dòng suy nghĩ của bạn học sinh miền núi về con đường đi học của mình, là những trải nghiệm của chính học sinh đó và bạn bè trong những ngày mưa, ngày nắng; dù vất vả đến đâu em cũng không bỏ một buổi học nào; bài học toát lên sự lạc quan và tình yêu của bạn nhỏ với mái trường mến yêu và thầy cô giáo.

- Viết đúng, đẹp các chữ viết hoa ***D, Đ,*** câu và từ ứng dụng.

- Rèn kĩ năng đọc, viết chữ, thảo luận nhóm, trình bày ý kiến.

- Nắm được từ chỉ đặc điểm với 3 nhóm nhỏ: Từ chỉ đặc điểm về màu sắc, âm thanh, hương vị.

- Biết sử dụng nhóm từ này để hoàn thiện câu.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của học sinh với một người mà em yêu quý.

- Sử dụng từ ngữ nhiều hình ảnh biểu cảm, sáng tạo trong ngôn ngữ viết.

- Biết viết theo các ý lớn và viết thành đoạn văn hoàn chỉnh.

- Nhận xét được những điểm được và chưa được trong bài viết của bạn. HS biết rút kinh nghiệm cho nhau.

1. **Phẩm chất**

Có tình cảm yêu quý thầy cô, trường lớp. Tinh thần vượt khó, chăm chỉ, kiên nhẫn, cẩn thận cho HS

1. **Năng lực**

**Năng lực chung**: NL tự chủ và tự học, NL ngôn ngữ, NL thẩm mĩ.

**Hình thành và phát triển năng lực đặc thù**: NL ngôn ngữ (đọc đúng, trôi chảy bài đọc, hiểu được nội dung văn bản; viết đẹp, đúng chữ hoa, câu, từ ứng dụng); năng lực văn học (Qua trả lời các câu hỏi số 5, hiểu nội dung bài đọc).

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo án PP, sách giáo khoa, bảng con.

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

**TIẾT 1 - 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN** | | **HOẠT ĐỘNG HỌC SINH** |
| 1. **Khởi động (3p)** | | |
| Cho HS nghe bài hát: *“Trên con đường đến trường”*  *\*Kết nối bài mới:*  Con đường đến trường   1. **Khám phá**     1. ***HĐ Đọc văn bản* (23p)**  * GV đọc mẫu cả bài. HD giọng đọc.   HD HS chia đoạn: Chia đoạn:(4 đoạn)  + Đoạn 1: Từ đầu đến *nhấm nháp*  + Đoạn 2: Tiếp theo đến *bàn chân.*  + Đoạn 3: Tiếp theo đến *ngập trong nước lũ.*  + Đoạn 4: Còn lại.   * HD HS đọc nối tiếp đoạn kết hợp luyện đọc từ khó. * Luyện đọc nối tiếp đọc lần 2 * HD HS đọc câu dài: *Để khỏi ngã,/tôi thường tháo phăng đôi dép nhựa / và bước đi bằng cách/ bấm mười đầu ngón chân xuống mặt đất.//* * Luyện đọc nối tiếp đoạn lần 3 kết hợp giải nghĩa từ.   \*Luyện đọc theo nhóm 4  \*Đọc cả bài   * 1. ***HĐ Trả lời câu hỏi (17p)*** * Con đường đến trường của bạn nhỏ hiện lên như thế nào? * Con đường được miêu tả như thế nào vào:   + Những ngày nắng?  + Những ngày mưa?   * Vì sao các bạn nhỏ không nghỉ buổi học nào kể cả khi trời mưa rét? * Theo em, bạn nhỏ có tình cảm như thế nào với cô giáo? * Con đường đi học của các bạn nhỏ trong bài gợi cho em những suy nghĩ gì? * GV chốt: Bài cho biết các bạn nhỏ miền núi đi học rất vất vả, khó khăn, nhất là trời mưa và nhiều lũ lụt. Mặc dù khó khăn, vất vả nhưng các bạn nhỏ vẫn yêu trường, yêu thầy cô của các bạn.   1. **HĐ Luyện đọc lại (7p)** * GV HD đọc diễn cảm cả bài. * Tổ chức cho HS luyện đọc nối tiếp lại. | | Cả lớp nghe.   * HS theo dõi. * HS nối tiếp đọc đoạn lần 1. Luyện đọc từ khó: *vắt vẻo, thính thoảng, rừng vầu*,… * HS nối tiếp đọc * Luyện đọc câu dài. * HS nối tiếp đọc từng đoạn trong bài kết hợp giải nghĩa từ.   \*Thi đọc giữa các nhóm.  - 1 HS đọc cả bài.   * 1 HS đọc đoạn 1, lớp đọc thầm trả lời câu hỏi   + Hình dáng con đường: nằm vắt vẻo trên lưng chừng đồi; bề mặt đường mấp mô; hai bên đường lúp xúp cây cỏ dại, cây lạc tiên.   * HS đọc thầm đoạn 2, 3 trả lời (nhóm đôi):   + Ngày nắng: Dưới đất chân xốp nhẹ như bông, mặt đường có những viên đá, sỏi găm vào bàn chân những người đi trên đường.  +Ngày mưa: Con đường lầy lội và trơn trượt, nhiều khúc đường ngập trong nước lũ.   * Nhóm đôi: Vì cô giáo thường đợi. * Vài HS nêu ý kiến cá nhân. * Con đường đi đến trường của các bạn nhỏ rất là khó khăn, vất vả nhưng các bạn vẫn cố gắng đến trường. Em rất cảm phục các bạn. * HS đọc nối tiếp. * 1 HS đọc cả bài. |
| 1. ***HĐ Viết (20p)*** | | |
| * 1. ***Ôn chữ hoa D, Đ***   - Cho HS quan sát video viết chữ hoa D, Đ.  - Yc HS nhắc lại quy trình viết chữ hoa D, Đ.  - Yc HS viết chữ hoa D, Đ vào bảng con.  - YC HS viết chữ hoa D, Đ vào vở.  - Chấm bài, nhận xét.  ***3.2. HD viết ứng dụng.***  *\*Viết tên riêng: Bình Dương*  - Gọi HS đọc từ ứng dụng  - GV giới thiệu: *Bình Dương là tỉnh thuộc miền Nam nước ta, là cửa ngõ giao thương với Thành phố Hồ Chí Minh, là một trong Tring tâm kinh tế- văn hóa lớn nước ta.*  *-* YC HS viết từ: Bình Dương vào vở.  - Nhận xét.  *\*Viết câu*  - Yc HS đọc câu ứng dụng.  - GV giới thiệu về câu ứng dụng.  - Trong câu ứng dụng có các chữ hoa nào mà mình đã được học?  - Trong câu ứng dụng có các từ nào dễ viết sai?  - Nhắc nhở HS viết đúng chính tả các từ: Quyên, lửa, lựu, lập lòe.  - Câu ứng dụng được trình bày theo thể thơ nào?  - Yc HS viết câu ứng dụng vào vở.  - Yc đổi vở theo nhóm đôi kiểm tra.  - Nhận xét, tuyên dương các bài viết đẹp.  **4. Vận dụng (2p)**  - Nhắc lại nội dung bài đọc: “Con đường đến trường”.  - Cho HS xem video con trường đến trường của các bạn vùng cao.  - Khác với các bạn nhỏ ở miền núi, chúng ta có những con đường đến trường bê tông, đường đi dễ dàng hơn, vậy chúng ta cần phải làm gì để xứng đáng với điều đó?  - Nhắc lại qui trình viết chữ D, Đ.  - NX tiết học. | * HS quan sát. * HS nêu. * Lớp viết bảng con. * Lớp viết bài vào vở. * 2 – 3 HS đọc câu ứng dụng. * Lắng nghe. * Chữ hoa D, Đ. * Quyên, lửa, lựu, lập lòe. * Thể thơ lục bát. * Lớp viết bài vào vở. * Học tập thật giỏi, đi học chuyên cần, yêu quý bạn bè, thầy cô hơn nữa. | |

**TIẾT 3**

**LUYỆN TẬP: TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** (3p) | |
| - GV cho HS tìm từ chỉ đặc điểm con đường trong bài Con đường đến trường  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tìm  - HS tham gia chơi. |
| **2. Khám phá**(33p) | |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện từ và câu (làm việc cá nhân/ nhóm)**  **Bài 1: Tìm từ chỉ đặc điểm của con đường.**  - GV mời cầu HS đọc yêu cầu bài 1.  - Cho HS chơi trò chơi Tung bóng  - Nhận xét, chốt đáp án:  **- GV chốt:** *Ngoài các từ chỉ đặc điểm của con đường có trong bài (mấp mô, lầy lội, trơn trượ)t. Cô còn giới thiếu cho các em các từ cũng chỉ đặc điểm của con đường: (bằng phẳng, rộng rãi, thoáng đãng, thênh thang, gồ ghề, khúc khuỷu, hẹp, nhỏ, gập ghềnh,...)*  **Bài 2: Tìm thêm các từ chỉ đặc điểm cho mỗi nhóm dưới đây và đặt câu với 2-3 từ ngữ tìm được** (thảo luận nhóm 4)  - GV mời HS nêu yêu cầu bài tập 2.  - GV giao nhiệm vụ cho HS  - Mời HS đọc đáp án  - Mời HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.  *+ Từ ngữ chỉ màu sắc: tím, vàng, đỏ, hồng, trắng*  *+ Từ ngữ chỉ âm thanh: róc rách, ầm ầm, xào xạc, vi vu, lao xao, ào ào, râm ran...*  - GV yc đặt câu với các từ vừa tìm được?  - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.  **Bài 3: Chọn từ chỉ đặc điểm trong khung thay cho ô vuông(làm việc cá nhân)**    - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 3.  - GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”  - GV yêu cầu nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án  *Buổi sáng, Nam đạp xe tới trường trên con đường quen thuộc. Hè đã sang mấy cành phượng vĩ nở hoa* ***đỏ rực****. Tiếng ve kêu* ***râm ran*** *giữa những tán lá sấu* ***xanh um****. Gần đến trường, khung cảnh* ***nhộn nhịp*** *hẳn lên. Mấy em bé lớp 1 chia tay mẹ vào lớp, vừa đi vừa ngoái lại: “Mẹ ơi, chiều mẹ đón con* ***sớm*** *nhé!”* | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1  - HS làm việc theo nhóm 4.  - HS tham gia chơi.  + ... có trong bài học: *mấp mô, lầy lội, trơn trượt*  - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.    - HS suy nghĩ, làm bài  - Một số HS trình bày kết quả.  - HS nhận xét bạn.  + Hai bên đường nhà em trồng rất nhiều cây hoa phượng đỏ.  + Vào rừng, em nghe thấy tiếng suối chảy róc rách, tiếng là rừng xào xạc.  - HS nhận xét bạn.  - HS đọc yêu cầu bài tập 3.  - HS tham gia chơi theo nhóm.  -... trình bày.  - ..nhận xét.  - Theo dõi bổ sung. |
| **3. Vận dụng** (3p) | |
| - GV cho Hs đặt 1 câu với các từ ngữ vừa tìm được ở bài tập 2  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe, về nhà thực hiện. |

**TIẾT 4**

**VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỚI NGƯỜI MÀ EM YÊU QUÝ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ khởi động (3-5p)**  - GV tổ chức trò chơi “Triển lãm tranh” để khởi động bài học.  + HS chia sẻ trước lớp về những bức tranh, ảnh mà các em đã chuẩn bị về những người thân quen, người mà các em yêu quý giới thiệu cho các bạn trong lớp.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  *Các con biết đấy, trong cuộc sống mỗi chúng ta đều có những người bạn đáng yêu, những người anh chị đáng mến, những người thân thương luôn bên cạnh và ủng hộ chúng ta. Vì vậy, trong buổi học hôm nay chúng mình sẽ chúng nhau nhớ lại và viết về tình cảm của em với một người mà em yêu quý nhé!*  *-* GV mời học sinh mở sách giáo khoa trang 60 bài *“****Luyện viết đoạn văn******nêu tình cảm, cảm xúc với người mà em yêu quý****”*  **2. HĐ dạy bài mới: (33-35p)**  **2.1. HĐ 1. Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc với người mà em yêu quý (Bài 1)**  - GV gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài 1  - 1 HS khác đọc 3 gợi ý trong sgk  + Giới thiệu về người mà em yêu quý  + Nêu những điểm mà em thấy ấn tượng về người đó  + Nêu cảm xúc của em khi nghĩ đến người đó  - GV nhắc lại một số điều cần nêu trong bài viết:  + tên, tuổi, nghề nghiệp, mối quan hệ  + đặc điểm hình dáng  + tính tình  + nêu tình cảm, cảm xúc  - GV giải đáp thắc mắc (nếu có).  - GV nhắc HS: chú ý về dấu câu, chữ viết hoa, những câu văn, từ bộc lộ cảm xúc…  - GV cho HS làm việc cá nhân: tự viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh (5-7 câu) về người mà em yêu quý.  **HĐ 2: Trao đổi bài viết của em với bạn (Bài 2)**  - GV gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài 2.  - 1 HS khác đọc 3 hướng dẫn trong sgk.  - GV cho HS thảo luận theo cặp:  + Đọc bài viết của bạn và góp ý cho bạn.  + Nghe bạn góp ý về bài viết của mình.  + Sửa lại bài cho hay hơn.  - GV mời 5-7 em đọc bài. GV và cả lơp nhận xét, rút kinh nghiệm và bình chọn bài viết tốt nhất trong số đó.  **3: Vận dụng (3’)**  **-** HS tự tìm đọc những câu chuyện, bài văn, bài thơ … về nhà trường (có thể tham khảo bài “Ngôi trường mới” trong sgk.  - Khi đọc các em lưu ý ghi lại các thông tin về bài đọc vào phiếu đọc sách.  **\* Củng cố - Dặn dò( 2’)**  **-** GV nhận xét tiết học  - Yêu cầu những HS chưa hoàn thành bài viết về nhà viết tiếp. Với những HS đã viết xong bài các em có thể viết lại cho hay hơn.  - Chuẩn bị bài tiết học sau | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe.  - HS nhắc lại tên bài, ghi vở  - Hs lắng nghe.  - 1 HS đọc.  - 1 HS đọc.  - HS lắng nghe và nêu thắc mắc hoặc điểm chưa hiểu để GV giải đáp.  - HS lắng nghe.  - HS viết bài.  - 1 HS đọc.  - 1 HS đọc.  - HS thảo luận nhóm đôi.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS lắng nghe, ghi nhớ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ: THỜI GIAN BIỂU CỦA EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức – Kĩ năng***

- Sắp xếp được thứ tự các hoạt động, công việc trong ngày của bản thân và bước đầu thực hiện được thời gian biểu đề ra.

- Xác định được những thứ thực sự cần mua để tránh lãng phí trong một số tình huống cụ thể.

***2. Phẩm chất***

- Thể hiện được sự khéo léo, thể hiện của bản thân qua sản phẩm tự làm.

- Có thái độ thân thiện, vui tươi với mọi người xung quanh

- Chăm học, chăm làm.

***3. Năng lực***

*\*Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

-  Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

- HS trải nghiệm mang lại niềm vui, nụ cười cho bản thân và cho bạn bè.

\**Năng lực đặc thù:*

- NL thiết kế và tổ chức các hoạt động: Qua HĐ 2

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** – Bài giảng PP, sách.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động:** (4p)  - GV cho HS tham gia trò chơi “Tung bóng”  - GV phổ biến cách chơi: GV tung bóng cho ai thì người đó phải kể tên một hoạt động trong ngày. GV có thể quy định khoảng thời gian: sáng, trưa, chiều, tối.  - GV nhận xét.  - GV tổ chức cho HS chơi.  **\****Kết nối bài mới:* Hằng ngày mỗi chúng ta thực hiện nhiều việc như học tập, sinh hoạt, vui chơi, những việc đó được thực hiện vào khoảng thời gian nào trong ngày chúng ta cùng chia sẻ nhé. | - HS lắng nghe, và tham gia trò chơi.  - HS tham gia chơi  Mỗi nhóm được nhận một bức tranh vẽ một nhân vật cổ tích hoặc nhân vật trong các cuốn sách quen thuộc với HS như: Nàng tiên cá, ông Bụt, cô Tấm, chú bé người gỗ, Dế Mèn….  - HS lắng nghe |
| **2. Khám phá** (15p)  **HĐ 1.Xác định thời gian dành cho mỗi hoạt động trong ngày** | |
| - GV đưa ra 4 thẻ từ: học tập, chăm sóc bản thân, giải trí, làm việc nhà  - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi những công việc theo gợi ý:  + Học tập: Hoc ở trường; Tự học ở nhà; …  + Giải trí: Đánh cầu lông, đọc sách; …  + Chăm sóc bản thân: Đánh răng, rửa mặt, …  + Làm việc nhà: Sắp xếp mâm bát, lau bàn, ….  - Cho HS chơi trò chơi “Phóng viên nhỏ” để hỏi về các hoạt động trong ngày.  - GV yêu cầu HS sắp xếp theo thứ tự từng hoạt động mình đã làm.  - GV nhận xét, tuyên dương.  => **GV kết luận**: Em đã lớn, rất cần nhớ các việc cần làm trong một ngày để không ai phải nhắc nhở em. | - HS quan sát.  - HS lắng nghe và nêu lại các gợi ý.  - HS thực hiện nhóm đôi.  - HS tham gia chơi  - HS thực hiện. |
| **HĐ 2. Lập thời gian biểu cho hoạt động trong ngày** (15p) | |
| - YC HS vẽ ra giấy các khoảng thời gian trong ngày và trình bày theo cách của mình.  - Mời HS thảo luận theo nhóm 4 (3 phút):  + So sánh lịch hoạt động hằng ngày của các bạn trong nhóm. Nêu sự giống và khác nhau.  + Giải thích về sự khac nhau và giống nhau ấy.  + Góp ý cho thời gian biểu của các bạn; điều chỉnh thời gian biểu sau nhận xét và góp ý của bạn.  - GV mời đại diện nhóm trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương.  => GV kết luận: Hằng ngày, có những hoạt động chúng ta thường xuyên thực hiện. Thời gian biểu sẽ giúp chúng ta làm việc có kế hoạch, giờ nào việc ấy. | - HS thực hiện theo yêu cầu.  - HS thực hiện: kẻ bảng; Vẽ vào từng khoang màu; Dùng các mẩu giấy, băng dính giấy để gắn lên thời gian biểu.  - HS thảo luận và thưc hành yêu cầu:  - HS nêu câu trả lời theo ý hiểu của mình.  - HS đại diện trình bày.  - HS nhóm nhận xét. |
| *\*Củng cố - dặn dò (3p)* | |
| - GV đề nghị HS về nhờ người thân góp ý cho thời gian biểu của mình.  - GV gợi ý cho HS hãy trang trí thời gian biểu của mình đẹp mắt và dễ nhìn.  ? Qua bài học hôm nay các em đã nhận biết được thêm điều gì?  - GV nhận xét tiết học  - GV dặn dò. | - HS lắng nghe.  - HS thực hiện theo ý tưởng.  - HS nêu câu trả lời theo ý hiểu của mình. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *(Nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**SƠ KẾT TUẦN**

**SINH HOẠT THEO CHỦ ĐỀ: QUÝ TRỌNG THỜI GIAN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**\* Sơ kết tuần:**

- HS nhớ lại những việc mình đã thực hiện được trong tuần. GV hướng dẫn HS những việc cần thực hiện trong tuần tiếp theo.

- Rèn cho HS thói quen thực hiện nền nếp theo quy định.

- Giáo dục HS biết tôn trọng vẻ bên ngoài của mình và mọi người.

**\* Hoạt động trải nghiệm:**

**1. Kiến thức – Kĩ năng**

- HS chia sẻ phản hồi về những góp ý của người thân về thời biểu và kết quả ban đầu của việc thực hiện thời gian biểu.

- Khẳng định thêm việc nhận diện được các nét khác biệt của mình.

***2. Phẩm chất***

- Có thái độ thân thiện, vui tươi với mọi người xung quanh

- Chăm học, chăm làm.

***3. Năng lực***

*\*Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

-  Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

\**Năng lực đặc thù:*

- NL thiết kế và tổ chức các hoạt động: Qua HĐ 1

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Bài giảng PP, SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Hoạt động Tổng kết tuần** (17p)  **a. Sơ kết tuần 5:**  **-** Từng tổ báo cáo.  - Lớp trưởng tập hợp ý kiến tình hình hoạt động của tổ, lớp trong tuần 5.  - GV nhận xét chung các hoạt động trong tuần.  \* Ưu điểm:  …………………………………………  …………………………………………  …………………………………………  \* Tồn tại  …………………………………………  …………………………………………  …………………………………………  **b. Phương hướng tuần 6:**  - Tiếp tục ổn định, duy trì nền nếp quy định.  - Tiếp tục thực hiện tốt các nội quy của nhà trường đề ra.  - Tích cực học tập để nâng cao chất lượng.  **-** Tiếp tục duy trì các hoạt động: thể dục, vệ sinh tr­­ường, lớp xanh, sạch, đẹp và cả ý thức nói lời hay, làm việc tốt ....  - Tích cực phòng chống dịch bệnh.  - Đảm bảo an toàn trong mùa mưa, bão.  **2. Hoạt động trải nghiệm** (20p)  *a. Chia sẻ thu hoạc sau trải nghiệm:* ***Chia sẻ về việc thực hiện thời gian biểu của em.***  - GV đưa câu hỏi cho HS trả lời  ? Em đã thực hiện các việc theo thời gian biểu như thế nào?  ? Em có hoàn thành hết công việc theo thời gian biểu không? Vì sao?  ? Em đã điều chỉnh những hoạt động nào trong thời gian biểu cho hợp lý?  - GV yêu cầu HS chia sẻ theo cặp đôi về kết quả thực hiện thời gian biểu của mình.  - GV mời 2-3HS chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **=> Kết luận**: Trong quá trình thực hiện thời gian biểu, nếu thấy chưa hợp lý, em có thể chỉnh sửa, bổ sung, thay đổi.  *b.* Chơi trò chơi: *“Giờ nào việc ấy”*  - GV làm quản trò và hướng dẫn HS cách chơi: Quản trò hô to giờ, có thể dùng một chiếc đồng hồ để tạo cảm xúc: “5 giờ chiều! Em làm gì?”; tất cả HS dưới lớp cùng thế hiện bằng động tác cơ thể một hoạt động.  - GV mời HS chơi trò chơi theo nhóm  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV **kết luận**: Có những thời gian mình thực hiện một hoạt động giống nhau, lúc ấy, hãy nghĩ xem bạn của mình đang làm gì ở nhà nhé!  **\****Củng cố - dặn dò*(3p)  - GV khuyến khích HS về nhà điều chỉnh thời gian biểu cho hợp lý.  - GV nhận xét tiết học  - GV dặn dò HS về tiếp tục thực hiện thời gian biểu mà mình đã lập ra. Và chuẩn bị bài sau. | - Lần lượt từng tổ trưởng, lớp trưởng báo cáo tình hình tổ, lớp.  - HS nghe để thực hiện kế hoạch tuần 6.  - HS lắng nghe  + HS trả lời theo của HS  - HS chia sẻ theo cặp đôi.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS nhận xét câu trả lời của bạn.  - HS lắng nghe.  - HS cùng làm theo cách chơi  - HS lắng nghe.  - HS ghi nhớ và thực hiện.  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *(Nếu có)*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**CHỦ ĐỀ 3: SỬ DỤNG QUẠT ĐIỆN**

**Bài 3: SỬ DỤNG QUẠT ĐIỆN (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức – kỹ năng:**

- Nêu được tác dụng và mô tả được các bộ phận chính của quạt điện

- Nhận biết được một số loại quạt điện thông dụng

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Sử dụng quạt điện phù hợp với điều kiện thời tiết để bảo vệ sức khỏe và hỗ trợ việc học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nhận ra những tình huống mất an toàn trong sử dụng quạt điện nói riêng và sử dụng đồ dùng điện trong gia đình nói chung và đề xuất được các giải pháp phù hợp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và mô tả được các tên gọi, kí hiệu công nghệ của các bộ phận trên quạt điện, trình bày, mô tả được về một loại quạt điện. Có thói quen trao đổi, giúp dỡ nhau trong học tập; biết cùng hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thây cô.

**b. Năng lực đặc thù**

- Nêu được tác dụng và mô tả được các bộ phận chính của quạt điện.

- Nhận biết được một số loại quạt điện thông dụng.

- Xác định vị trí đặt quạt; bật, tắt, điều chỉnh được tốc độ quạt phù hợp với yêu cầu sử dụng.

- Nhận biết và phòng tránh được những tình huống mất an toàn khi sử dụng quạt điện.

**3. Phẩm chất**

- Nhân ái: Có ý thức tôn trọng ý kiến các thành viên trong nhóm khi hợp tác

- Chăm chỉ: Chủ động, kiên trì thực hiện nhiệm vụ thu thập thông tin để khám phá vấn đề

- Trung thực: Có ý thức báo cáo các kết quả đã thu thập chính xác, khách quan để chứng minh hoặc phủ nhận giả thuyết đã đặt ra

- Trách nhiệm: Có ý thức hỗ trợ, hợp tác với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Giáo án, máy tính.

- HS: SGK, đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** |
| **Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG** (5 phút) | |
| - GV chiếu câu đố lên bảng, yêu cầu 1-2 HS đọc và giải câu đố để khởi động bài hoc.  Có cánh không biết bay  Chỉ quay như chong chóng  Làn gió xua cái nóng  Mất điện là hết quay  *(Là cái gì)*  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi phán đoán về đáp án.  - Mời các nhóm trình bày.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS lắng nghe.  - Thảo luận nhóm đôi.  - Đại diện các nhóm trình bày.  *(Đáp án: Quạt điện)*  - HS lắng nghe. |
| **Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** (20 phút) | |
| **Hoạt động 1. Tác dụng của quạt điện. (làm việc nhóm)**  **-** GV chia sẻ các bức tranh 1 và nêu câu hỏi. Sau đó mời học sinh quan sát và trình bày kết quả.  + Em hãy quan sát hình 1 và cho biết bạn nhỏ đang sử dụng quạt điện để làm gì?    **-** GV chia sẻ các bức tranh 2 và nêu câu hỏi. GV phát cho các nhóm các thẻ tên tương ứng với mỗi loại quạt: *quạt hộp, quạt trần, quạt bàn, quạt treo tường.* Sau đó cho HS thảo luận nhóm 2 và trình bày kết quả.  + Em hãy sắp xếp các thẻ tên dưới đây tương ứng với mỗi loại quạt trong hình 2. (GV có thể sưu tầm thêm một số loại quạt điện khác)    + Em hãy quan sát kiểu dáng của mỗi loại quạt điện trên, nêu vị trí lắp đặt của mỗi loại quạt điện trong gia đình.  - GV mời các nhóm nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  - GV chốt HĐ1 và mời HS đọc lại.  **\*Kết luận:***Quạt điện tạo ra gió, giúp làm mát. Quạt điện có nhiều loại với nhiều kiểu dáng khác nhau. Ngoài ra, những chiếc quạt có kiểu dáng đẹp còn được dùng trang trí cho không gian phòng khách (phòng ăn, phòng ngủ,… thêm sang trọng.* | - Học sinh đọc yêu cầu bài và trình bày:  + Bạn nhỏ dùng quạt điện để quạt cho bớt nóng.  - Học sinh thảo luận nhóm và trình bày:  **Đáp án:** Quạt hộp - d, quạt trần - a, quạt bàn - b, quạt treo tường - c.  + HS trả lời.  - Đại diện các nhóm nhận xét.  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS nêu lại nội dung HĐ1 |
| **Hoạt động 3**: **LUYỆN TẬP** (10 phút) | |
| **Hoạt động 3. Thực hành quan sát và nêu tên một số bộ phận chính của một chiếc quạt điện. (Làm việc nhóm 4)**  - GV mời các nhóm quan sát một số chiếc quạt điện (loại quạt bàn nhỏ) và cho HS trực tiếp chỉ ra các bộ phận chính trên những chiếc quạt điện.  + Em cùng bạn quan sát và gọi tên những bộ phận chính của một chiếc quạt điện?  - GV mời các nhóm khác nhận xét.  **\*Giới thiệu thông tin:** GV giới thiệu thêm một số thông tin về các mẫu quạt điện hiện đại: quạt điện không cánh và quạt điện điều khiển từ xa.  - GV chốt HĐ3 và mời HS đọc lại.  **\* Kết luận:** *Quạt điện thường có những bộ phận chính như: hộp động cơ, cánh quạt, thân quạt, đế quạt, lồng quạt, bộ phận điều khiển và dây nguồn.* | - Học sinh chia nhóm 4, đọc yêu cầu bài và tiến hành thảo luận.  - Đại diện các nhóm trình bày những sản phẩm công nghệ và đối tượng tự nhiên mà nhóm vừa quan sát được.  - Các nhóm nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - 1 HS nêu lại nội dung HĐ3. |
| **Hoạt động 4**: **VẬN DỤNG** (5 phút) | |
| - GV cho HS đọc bài mở rộng *“Cái quạt điện”* để củng cố bài học.  *Quay tít ngày đêm chẳng nghỉ ngơi*  *Xua tan nóng nực giúp cho đời*  *Không lo mỏi cánh, mòn bi trục*  *Chỉ muốn bình tâm, rạng nụ cười.*  *Nâng giấc ngủ sâu khi dưỡng sức*  *Đắp bồi sinh lực lúc trời oi*  *Nhắc ai bảo dưỡng, tra dầu mỡ*  *Đừng để quạt hư bảo quạt tồi.*  - GV giao nhiệm vụ HS về nhà sưu tầm tranh ảnh hoặc tìm đọc thêm những bài văn, bài thơ, bài hát … viết về cái quạt điện.  ***\*Củng cố - dặn dò:***  - Củng cố kiến thức vừa học.  - Nhận xét tiết học.  - Nhắc nhở HS về nhà học bài và xem trước bài mới. | - HS đọc bài mở rộng.  - HS lắng nghe, về nhà thực hiện.  - Lắng nghe |

**LUYỆN TIẾNG VIỆT**

**ÔN LUYỆN TUẦN 5**

**Bài 08: TẠM BIỆT MÙA HÈ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Viết đúng đoạn chính tả *“Mùa hè của Diệu…..năm học mới”*

- Làm đúng các BT chính tả phân biệt s và x; dấu hỏi và dấu ngã

***2. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

***3. Năng lực***

*\*Năng lực chung*

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với các dạng bài tập Tiếng Việt.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

*\*Năng lực đặc thù*

- Năng lực ngôn ngữ: Viết đúng chính tả, trình bày đẹp, làm đúng các bài tập chính tả.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Tiếng Việt; máy soi (BT2)

***2. Học sinh:*** Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động** (3p)  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  + Giúp học sinh củng cố kiến thức, rèn kĩ năng viết bài, làm được các bài tập trong vở bài tập. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập**  **\*HD Nhớ – viết chính tả**. (20p)  - GV nêu yêu cầu nghe viết đoạn *“Mùa hè của Diệu…..năm học mới”*  - GV đọc  - GV gọi HS đọc  - HD HS tìm hiểu nhanh nội dung đoạn viết:  + *Bài viết có nội dung gì?*  - HD HS nhận biết các hiện tượng chính tả:  *+ Bài viết có những dấu câu nào?*  *\*GV lưu ý vị trí các dấu câu.*  *+ Bài viết có những chữ nào cần phải viết hoa?*  *+ Đoạn văn có chữ nào dễ viết sai?*  - GV cho HS luyện viết các từ, tiếng dễ viết sai vào bảng con.  *+ Khi trình bày đoạn văn, cần viết như thế nào?*  *\* Nghe- viết bài chính tả* (15p)  - GV đọc cho HS viết vào vở.  - YC HS đổi vở cho nhau để phát hiện soát lỗi chính tả, đánh dấu và sửa lỗi.  - GV chiếu một số bài của HS.  - GV nhận xét bài viết của HS. | - HS lắng nghe  - HS lắng nghe, đọc thầm  - 1 HS đọc bài, lớp đọc thầm  - Đoạn viết nói về trải nghiệm của Diệu cùng mẹ ra chợ.  + Dấu chấm, dấu phẩy, dấu 3 chấm.  + Các chữ cái đầu câu, chữ Diệu.  + tảo tần, giản dị, gần gũi, dắt cháu, giỏ cua, mớ tép.  - 2 HS viết bảng, lớp viết bảng con.  - HS viết vào vở.  - HS đổi vở nhóm đôi để soát lỗi.  - HS quan sát, nhận xét. |
| **Hoạt động 2:** Làm bài tập (10p)  **Bài 2/20: Tìm và viết từ ngữ chỉ sự vật theo yêu cầu b:**  - GV gọi 1 hs nêu yêu cầu.  - GV cho HS chia sẻ trong nhóm đôi.  - GV cho HS chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  *🡺 GV mở rộng một số từ chỉ sự vật theo yêu cầu b*  Bài 4/ 21: Điền s hoặc x vào chỗ trống, dấu hỏi hoặc dấu ngã trên chữ in đậm  - GV gọi 1 hs nêu yêu cầu.  - GV cho HS chia sẻ trong nhóm đôi.  - GV cho HS chia sẻ trước lớp.  - GV nhận xét, tuyên dương HS. | - Hs nêu*.*  - HS chia sẻ trong nhóm đôi.  - 4, 5HS chia sẻ.  - Kết quả: *Mũ, cầu thang gỗ, thuổng, xẻng, tảng đá, sỏi đá...*  - Hs nêu*.*  - HS chia sẻ trong nhóm đôi.  - 4, 5HS chia sẻ.  Bầy còng tập viết  Suốt ngày còng lấy càng  Viết chữ trên mặt cát  Buổi tối càng về hang  Nước triều lên xóa hết  Càng lại nghĩ biển chê  Chữ mình còn chưa đẹp  Nên ngày nào cũng viết  Trên cát ướt phẳng lì. |
| **\*Củng cố - dặn dò** (3p)  - Nhận xét giờ học.  - Dặn chuẩn bị bài sau. |  |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *(Nếu có)*  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**LUYỆN TOÁN**

**ÔN LUYỆN TUẦN 5**

**ÔN: BẢNG NHÂN 7, BẢNG CHIA 7**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức – Kĩ năng**

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Ghi nhớ được bảng nhân 7, bảng chia 7.

+ Vận dụng vào tính nhẩm, giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 7, bảng chia 7.

**2. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**3. Năng lực**

*\*Năng lực chung*

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

\**Năng lực đặc thù*

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- VBT

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** (3p)  - GV tổ chức trò chơi Truyền điện để ôn tập lại bảng nhân, chia 7  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành** (33p) |  |
| **Bài 1: (Làm việc nhóm 2) Số?**  - Gọi HS nêu yêu cầu bài  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  *🡺 Gv chốt: Để điền được số vào ô trống em vận dụng kiến thức nào đã học?*  **Bài 2. (Làm việc cá nhân)** .  - GV gọi HS nêu yêu cầu bài  **-** GV cho HS đọc bài làm  - Gọi HS nhận xét lẫn nhau, GV bắn từng kết quả lên màn hình.  *🡺 Gv chốt: Đọc lại bảng nhân 7, chia 7*  **Bài 3: (Làm việc cá nhân) :**  - Gọi 2 HS đọc đề bài toán.  + Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?  + Muốn biết mỗi đoạn tre dài bao nhiêu xăng-ti-mét em làm như thế nào ?  - Gọi HS đọc bài giải, Gọi HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 4. >, <, =**  - HS nêu yêu cầu bài toán  - Thảo luận nhóm đôi trong 4 phút để hoàn thành yêu cầu bài toán  *🡺 Gv chốt: Để điền được dấu <, >, = em làm như thế nào?* | - HS đọc yêu cầu bài  - Nhóm làm bài vào vbt.  - Đọc bài làm của nhóm  - Nhận xét.  - Em dựa vào dãy số cách đều 7  ­­  - HS nêu yêu cầu bài  - HS nối tiếp đọc kết quả  - HS đọc bài toán  - HS trả lời  - Em thực hiện phép tính chia  - HS làm vào vbt  - HS nhận xét lẫn nhau  *Bài giải:*  *a. Mỗi đoạn tre dài số xăng-ti-mét là:*  *49 : 7 = 7 (cm)*  *b/ Tổng độ dài các cạnh của hình vuông là:*  *7 x 4 = 28 (cm)*  *Đáp số: a/ 7 cm*  *b/ 28 cm*  - HS thảo luận nhóm đôi.  - Đại diện nhóm trình bày ý kiến.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. |
| **3. Vận dụng** (3p)  **-** GV tổ chức trò chơi “Truyền điện” để ôn lại các bảng nhân, bảng chia đã học  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy** *(Nếu có)*  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |